TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28** /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05- 6 - 2018
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH YÊN BÁI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Sơn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trương Xuân Vũ
2. Bà Nguyễn Kim Dung

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyên L không tham gia phiên toà*.

Ngày 05 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 78/2018/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:29 /2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Mai Thị T, sinh năm 1990; Có mặt
Địa chỉ: Thôn 4 , xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái.

2/ Bị đơn: Anh Triệu Văn L, sinh năm 1988; Vắng mặt có lý do.
Địa chỉ: Thôn 03 T, xã P, huyện L, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai chị Mai Thị T trình bày: Tôi và anh Triệu Văn L được tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào ngày 02/4/2011 là nơi anh L cư trú.Vợ chồng sống hòa thuận, năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L sống không chung thủy đã có quan hệ với người phụ nữ khác, tôi đã và khuyên bảo can ngăn, nhưng anh L không chấm dứt mà còn đánh tôi nhiều lần, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình, bạn bè hòa giải nhiều lần nhưng không thành.Do không chịu đựng được đời sống chung, năm 2015 tôi đưa con về đẻ sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại xã T, huyện L vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không ai còn quan tâm đến ai, tôi xác định không còn tình cảm vợ chồng nữa, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là Triệu Minh N, sinh ngày 24/9/2012. Khi ly hôn tôi nhận nuôi con, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 16/4/2018 anh Triệu Văn L trình bày: Tôi và cô Mai Thị T đăng ký kết hôn tại UBND xã P vào ngày 02/4/2011. Trong thời gian chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nay cô T xin ly hôn thì tôi hoàn toàn đồng ý. Hai vợ chồng có 01 người con chung: Triệu Minh N, sinh ngày 24/9/2012, khi ly hôn tôi được quyền thăm nom con; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tôi đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 78/2018/TLST – HNGĐ ngày 09/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện L về việc "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con" và giấy triệu tập đến Tòa án để giải quyết ly hôn, nhưng do điều kiện bận nhiều công việc tôi không thể đến Tòa án trực tiếp, nên tôi xin được vắng mặt và đề nghị Tòa án xét xử theo nguyện vọng của tôi như đã nêu trên.

Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L theo quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.Theo nội dung đơn đề nghị xét xử vắng mặt thể hiện anhTriệu Văn L đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án biết được chị T đề nghị Tòa án huyện L giải quyết ly hôn, nhưng do bận công việc và ở xa không thể đến Tòa án giải quyết ly hôn mà có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét đơn đề nghị xét xử vắng mặt của anh Luận là hợp lệ, do đó Tòa án tiến hành phiên tòa theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Xét thấy chị Mai Thị T và anh Triệu Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký tại UBND xã P vào ngày 02/4/2011là hôn nhân hợp pháp.Chị T và anh L sống hòa thuận đến năm 2014 thì mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị T xác định là do anh L sống không chung thủy, còn anh L không nêu nguyên nhân nhưng thừa nhận vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ nhiều năm, không ai còn quan tâm đến ai. Lời trình bày của các đương sự phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở kết luận quan hệ hôn nhân giữa chị Mai Thị T và anh Triệu Văn L đã mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 đến nay không ai còn quan tâm đến ai, mâu thuẫn thật sự trầm trọng mục đích hôn nhân không đạt được, do đó giải quyết cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Các đương sự có 01 con chung: Triệu Minh N, sinh ngày 24/9/2012. Hiện nay cháu N đang do chị T chăm sóc, khi ly hôn chị T có nguyện vọng tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng, theo ý kiến của anh L về con chung thì anh L chỉ đề cập quyền được thăm nom con. Như vậy việc giao cháu Triệu Minh N cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc là hợp lý. Tại phiên tòa

chị T không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Chị Mai Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

[1]Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị T được ly hôn anh Triệu Văn L.

[2]Về con chung: Chị Mai Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, người con Triệu Minh N, sinh ngày 24/9/2012, anh Triệu Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Chị Mai Thị T phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0000905 ngày 09/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Yên Bái, chị Thiều đã nộp đủ án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị Mai Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Triệu Văn L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện L;
- CCT.H.ADS huyện L;
-UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu
Nguyễn Trung Sơn